

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/KDTM-ST  
Ngày: 27-8-2024  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lê

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Quang Lương

2. Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Nhật Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Việt Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2024/TLST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2024/QĐST-KDTM ngày 05/8/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty cổ phần S (Trước đây là Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở: 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; đại diện theo pháp luật (Ông S – Chủ tịch hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chính L; địa chỉ: Số 362 đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông L có mặt.

**Bị đơn:** Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hương G; sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 324 L, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Như Q; sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 29/12/2023, Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S có đến Công ty TNHH S (Chi nhánh Quảng Bình) nay là Công ty cổ phần S để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: QBC231201008NA21X được ký giữa các bên ngày 29/12/2023 thì Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S có ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe ô tô bốn bánh BKS: 73A-219.26, loại xe: MAZDA CX5 - màu: Đen, số khung: RN2KW5726MM065332 - Số máy: PE50275072; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006490 Do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/09/2021, để lấy số tiền là 426.270.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 29/12/2023- 29/12/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty cổ phần S đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty cổ phần S có ký giấy cho Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S mượn lại xe ô tô sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 29/12/2023 đến 29/01/2024 địa điểm trả xe là tại chi nhánh Quảng Bình 01. Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S không thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 129 ngày ( Từ 29/03/2024 đến 05/08/2024 ) Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S không trả nợ cho Công ty cổ phần S và cũng không trả lại xe ô tô cho Công ty cổ phần S.

Nhân viên của Công ty cổ phần S đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S tại địa chỉ: Số 324 L, Đ, Đ, Quảng Bình nhưng đều không gặp. Công ty cổ phần S đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty cổ phần S, nhưng Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận

tải S không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty cổ phần S.

Nay Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S đã có hành vi vi phạm hợp đồng cầm cố tài sản. Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S không thanh toán theo hợp đồng và không trả lại xe cho Công ty cổ phần S mà chiếm đoạt tài sản công ty.

Vì vậy Công ty cổ phần S yêu cầu: Buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán Buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 27/08/2024 là 484.882.125 (Trong đó tiền gốc là 426.270.000 đồng, lãi trong hạn là 23.444.850 đồng ( = 1,1 % x 426.270.000 x 5 ); lãi quá hạn là 35.167.275 đồng ( = 426.270.000 x 150% x 1,1% x 5). Thời gian vi phạm tính từ ngày 29/03/2024 đến ngày 27/08/2024 ( 05 tháng )

Tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí hao mòn và bảo dưỡng : 106.567.500 đồng ( 21.313.500 đồng/tháng x 5 ); phí quản lí hồ sơ : 10.656.750 đồng 0,5% / tháng ( 426.270.000 đồng x 0,5 % x 5), phí thanh lí hợp đồng trước hạn : 29.839.000 đồng ( 7% x 426.270.000 đồng) và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với người bảo lãnh là anh Nguyễn Như Q phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong hợp đồng cầm cố ngày 29/12/2023.

Ngoài ra Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố mà Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S đã ký với Công ty cổ phần S kể từ ngày 28/08/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong trường hợp Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S không có khả năng thanh toán số tiền theo hợp đồng buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải có nghĩa vụ trả lại chiếc xe ô tô bốn bánh biển số: 73A-219.26, Loại xe: MAZDA CX5, Số khung: RN2KW5726MM065332, Số máy: PE50275072, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Quảng Bình 01 - Công ty TNHH S số QBC231201008NA21X ngày 29/12/2023.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bị đơn Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Hương G không có mặt tại các buổi làm việc nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng cầm cố, bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Đ, thành phố Đ nên Tòa án thành phố Đồng Hới thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

*\* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:*

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

*\* Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

*\* Về nội dung vụ án:*

Căn cứ các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 351, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S (Hiện là Công ty cổ phần S) yêu cầu Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 27/8/2024 là 484.882.125 đồng (Trong đó tiền gốc: 426.270.000 đồng; lãi trong hạn: 23.444.850 đồng; lãi quá hạn: 35.167.275 đồng);

Chấp nhận nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện để đình chỉ về việc yêu cầu buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí hao mòn và bảo dưỡng : 106.567.500 đồng ( 21.313.500 đồng/tháng x 5 ); phí quản lí hồ sơ : 10.656.750 đồng 0,5% / tháng ( 426.270.000 x 0,5 % x 5), phí thanh lí hợp đồng trước hạn: 29.839.000 đồng ( 7% x 426.270.000 ).

Chấp nhận nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện để đình chỉ về việc buộc ông Nguyễn Như Q phải thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh theo cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố ngày 29/12/2023.

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S còn phải tiếp tục chịu lãi suất, theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 28/08/2024 cho đến khi Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S thực tế thanh toán xong hết nợ.

Nếu Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S không thanh toán số tiền theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết, thì buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải có nghĩa vụ trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 73A-219.26, loại xe: MAZDA CX5, màu đen, số khung: RN2KW5726MM065332, số máy: PE50275072, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Quảng Bình 01-Công ty TNHH S số QBC231201008NA21X ngày 29/12/2023 để Công ty cổ phần S đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo thu hồi nợ.

Án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S có địa chỉ tại: Số 324 đường L, xã , thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là nơi bị đơn có trụ sở kinh doanh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Công ty cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải có nghĩa vụ trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 73A-219.26, Loại xe: MAZDA CX5, màu đen, số khung: RN2KW5726MM065332, số máy: PE50275072, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Quảng Bình 01- Công ty TNHH S số QBC231201008NA21X ngày 29/12/2023 đã cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty cổ phần S, để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật; trường hợp Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S không thể trả lại xe cầm cố, Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc và tiền lãi thông qua hợp đồng cầm cố tài sản khoản tiền là 484.882.125 đồng. Vì vậy đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng cầm cố theo quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015; tranh chấp phát sinh giữa

Công ty với công ty có giấy đăng ký kinh doanh, đây là tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.3]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải giao trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 73A-219.26, loại xe: MAZDA CX5, màu đen, số khung: RN2KW5726MM065332, số máy: PE50275072, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Quảng Bình 01-Công ty TNHH S số QBC231201008NA21X ngày 29/12/2023 đã cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty cổ phần S, để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật. Bởi lẽ ngày 29/12/2023, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S là bà Nguyễn Thị Hương G có đơn gửi Chi nhánh Quảng Bình 1 - Công ty cổ phần S xin mượn lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 73A-219.26, Loại xe: MAZDA CX5, Số khung: RN2KW5726MM065332, Số máy: PE50275072, đã được cầm cố trên trong thời hạn một tháng từ ngày 29/12/2023 đến hết ngày 29/01/2024 và phía nguyên đơn đã đồng ý bàn giao tài sản cầm cố trên cho phía bị đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Hương G vắng mặt không có lý do nên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không yêu cầu xác minh hay định giá chiếc xe ô tô, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đề nghị và xin được rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với người bảo lãnh là anh Nguyễn Như Q phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong hợp đồng cầm cố và nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc Buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí hao mòn và bảo dưỡng: 106.567.500 đồng ( 21.313.500 đồng/tháng x 5 tháng); phí quản lí hồ sơ: 10.656.750 đồng 0,5%/tháng ( 426.270.000 x 0,5 % x 5 tháng), phí thanh lí hợp đồng trước hạn: 29.839.000 đồng ( 7% x 426.270.000 đồng).

Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để đình chỉ đối với các yêu cầu trên của nguyên đơn.

[1.4]. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đối với bị đơn Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S đại diện pháp luật là bà Nguyễn Thị Hương G không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ

giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được đối với bị đơn, Tòa án nhiều lần gửi giấy triệu tập nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn là Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S nơi có trụ sở tại số 324 L, thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Công an xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình xác minh kết quả như sau: Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S vẫn hoạt động bình thường, có trụ sở đóng trên địa bàn xã Đ, bà Giang đại diện pháp luật của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S hiện có hộ khẩu thường trú tại: xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, và hiện nay vẫn có mặt tại địa phương.

Toà án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt còn bị đơn vắng mặt không có lý do nên Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐST-KDTM ngày 19/7/2024 và tiến hành niêm yết tại địa phương nơi bị đơn có trụ sở kinh doanh, và nơi đại diện pháp luật của bị đơn cư trú. Ngày 05/8/2024 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2024/QĐST-KDTM ngày 05/8/2024 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 27/8/2024 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại thôn Đ xã Đ và thôn Đ T xã Đ và trụ sở UBND xã Đ nơi bị đơn có trụ sở, và nơi đại diện theo pháp luật của bị đơn cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S.

[1.5]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét hợp đồng cầm cố:

Theo hợp đồng số: QBC231201008NA21X được ký giữa các bên ngày 29/12/2023 thì Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S có ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe ô tô bốn bánh BKS: 73A-219.26,

loại xe: MAZDA CX5 - màu: Đen, số khung: RN2KW5726MM065332 - số máy: PE50275072; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006490 Do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/09/2021, để lấy số tiền là 426.270.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 29/12/2023- 29/12/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. tại Chi nhánh Quảng Bình 01 – Công ty cổ phần S, địa chỉ: Số 362 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; mã số chi nhánh: 2901807716-040 cấp ngày 11/4/2019 tại sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S không trả tiền gốc cho Công ty cổ phần S khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015. Công ty cổ phần S yêu cầu Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S tính đến ngày 27/8/2024 tổng số tiền là 484.882.125 đồng (Trong đó tiền gốc: 426.270.000 đồng; lãi trong hạn: 23.444.850 đồng; lãi quá hạn: 35.167.275 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xin được rút một phần yêu cầu khởi kiện để đình chỉ đối với người bảo lãnh là anh Nguyễn Như Q phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong hợp đồng cầm cố và nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc Buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí hao mòn và bảo dưỡng: 106.567.500 đồng ( 21.313.500 đồng/tháng x 5 tháng); phí quản lí hồ sơ: 10.656.750 đồng 0,5%/tháng ( 426.270.000 x 0,5 % x 5 tháng), phí thanh lí hợp đồng trước hạn: 29.839.000 đồng ( 7% x 426.270.000 đồng).

#### [2.2]. Về yêu cầu tính lãi:

Theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng cầm cố số QBC231201008NA21X ngày 29/12/2023 mà hai bên thỏa thuận, ký kết quy định: “Lãi suất trong hạn: Lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền: Khách hàng cam kết thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm lãi và phí trong hạn số tiền 820.320.00 đồng) vào ngày 29 hàng tháng từ 01/2024 đến tháng 12/2024; Khách hàng cam kết thanh toán tiền gốc vào kỳ hạn cuối cùng của hợp đồng với số tiền 426.270.000.00 đồng x 150% x 1,1% x 05 tháng; “Điều 6: Chuyển nợ quá hạn: Kể từ ngày đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ hạn hoặc kết thúc thời hạn cho cầm cố hoặc khi SVN quyết định chấm dứt cho cầm cố, thu hồi nợ trước hạn, nếu khách hàng không trả hết nợ gốc phải trả đúng hạn thì số nợ gốc không được trả đúng hạn bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất như sau; Đối với phần dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn thì áp dụng mức lãi suất quá hạn; Đối với



phần dư nợ gốc của kỳ hạn chưa đến hạn trả nợ thì áp dụng mức lãi suất trong hạn”.

Nên yêu cầu này của Công ty cổ phần S là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Đối với việc Công ty cổ phần S nhận cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 73A-219.26, loại xe: MAZDA CX5, màu đen, số khung: RN2KW5726MM065332, số máy: PE50275072, theo Hợp đồng cầm cố, giấy chứng nhận đăng ký xe, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Quảng Bình 01-Công ty TNHH S số QBC231201008NA21X ngày 29/12/2023 giấy chứng nhận đăng ký xe đã có văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản đảm bảo, tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội. Việc Công ty cổ phần S và Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền, nên giao dịch đã phát sinh có hiệu lực. Vì vậy, việc Công ty cổ phần S nhận cầm giấy chứng nhận đăng ký xe của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S không có khả năng thanh toán số tiền theo hợp đồng cầm cố thì buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải có nghĩa vụ trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 73A-219.26, loại xe: MAZDA CX5, Số khung: RN2KW5726MM065332, Số máy: PE50275072, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Quảng Bình 01-Công ty TNHH S số QBC231201008NA21X ngày 29/12/2023 để yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo thu hồi nợ.

[3]. Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn là Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 484.882.125 đồng = 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng = 23.395.285. đồng để sung quỹ nhà nước.

Công ty cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 12.528.000 đồng đã nộp theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số: 0001232 ngày 31/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều Căn cứ các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 351, 468 Bộ luật Dân sự Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.**

1.1. Buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S tính đến ngày 27/8/2024 tổng số tiền là 484.882.125 đồng (Trong đó tiền gốc: 426.270.000 đồng; lãi trong hạn: 23.444.850 đồng; lãi quá hạn: 35.167.275 đồng. Thời hạn thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực.

1.2. Ngay sau khi Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần S thì Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 73A-219.26, loại xe: MAZDA CX5, màu đen, số khung: RN2KW5726MM065332, số máy: PE50275072 cho ô tô biển kiểm soát: 73A-219.26, loại xe: MAZDA CX5, Số khung: RN2KW5726MM065332, số máy: PE50275072, cho Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải có nghĩa vụ trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 73A-219.26, loại xe: MAZDA CX5, màu sơn đen, Số khung: RN2KW5726MM065332, Số máy: PE50275072, mang tên Công ty TNHH xây

dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Quảng Bình 01-Công ty TNHH S số QBC231201008NA21X ngày 29/12/2023 để Công ty cổ phần S yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

1.3. Từ ngày 28/8/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng Công ty xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả theo hợp đồng cầm cố đã ký kết ngày 29/12/2023 giữa Công ty cổ phần S và Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S (Nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu người bảo lãnh là anh Nguyễn Như Q phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong hợp đồng cầm cố.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc Buộc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí hao mòn và bảo dưỡng: 106.567.500 đồng ( 21.313.500 đồng/tháng x 5 tháng); phí quản lý hồ sơ: 10.656.750 đồng 0,5%/tháng ( 426.270.000 x 0,5 % x 5 tháng), phí thanh lý hợp đồng trước hạn: 29.839.000 đồng ( 7% x 426.270.000 đồng).

### 3. Án phí Kinh doanh thương mại:

3.1. Bị đơn Công ty TNHH xây dựng tổng hợp và kinh doanh thương mại vận tải S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là 23.395.285 đồng.

3.2. Công ty cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 12.528.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số: 0001232 ngày 31/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/8/2024). Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***(đã ký)***

**Nguyễn Thị Mỹ Lệ**



